

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2683/QĐ-BTP ngày 09/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1655/TTr-STP ngày 28/11/2023 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới, 06 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại các số thứ tự 6, 7, 8, 9, 10, 11 phụ lục kèm theo Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 13/7/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11. ✓



CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian tập sự, người tập sự có văn bản đề nghị công nhận hoàn thành tập sự, kèm theo Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu) gửi Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự;- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Tư pháp ra quyết định công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Công chứng năm 2014- Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none">- Trình tự thực hiện;- Thành phần hồ sơ;- Thời hạn giải quyết;	- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì	Trung tâm phục vụ hành chính	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Công chứng năm 2014;- Thông tư số 08/2023/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, tờ khai (Mẫu TP-TSCC-01a; TP-TSCC-01b); - Căn cứ pháp lý. 	<p>thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>công, XTĐT và HTDN tỉnh</p>		<p>BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp.</p>
2	<p>Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Mẫu đơn, tờ khai (Mẫu TP-TSCC-01a; TP-TSCC-01b); - Căn cứ pháp lý. 	<p>- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp.
3	<p>Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Mẫu đơn, tờ khai (Mẫu TP-TSCC-03); 	<p>- Trường hợp người tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng khác nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công,</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Căn cứ pháp lý.	từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng; - Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.	XTĐT và HTDN tỉnh		Bộ Tư pháp.
4	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, tờ khai (Mẫu TP-TSCC-03, Mẫu TP-TSCC-04, Mẫu TP-TSCC-01a hoặc Mẫu TP-TSCC-01b); - Căn cứ pháp lý.	- Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xoá đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự; - Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự; + Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Trường hợp người đăng ký tập sự	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện; - Mẫu đơn, tờ khai (Mẫu TP-TSCC-05); - Căn cứ pháp lý. 	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp.
6	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai (Mẫu TP-TSCC-10); - Căn cứ pháp lý. 	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.500.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.